TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2025
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung và bà Phạm Thị Thà
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 213/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997; Địa chỉ thường trú: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Đào Văn H, sinh năm 1994; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

3. *Người làm chứng*: Ông Đào Văn H1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người được chị T, anh H, ông H1 ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1997; địa chỉ liên hệ: Số B đường P, phường M, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền (có xác nhận của Văn phòng K tại Đ), nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đào Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã L), huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/4/2018. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chịu khó làm ăn, thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không nghe. Tháng 10/2019, anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Cuối năm 2019, chị cũng sang Đài Loan làm việc. Thời gian đầu khi sang Đài Loan, chị và anh H vẫn nói chuyện với nhau. Sau đó chị phát hiện anh H vẫn chơi bời, không tu chí làm ăn và tiếp tục nợ nần nên đầu năm 2023 chị đã làm đơn xin ly hôn anh H gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Do anh H xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn về. Tháng 6/2023, chị và anh H không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Đào Gia H2, sinh ngày 28/11/2018, hiện đang ở cùng ông bà nội. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu H2 và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai (có xác nhận của Văn phòng K tại Đ), anh H trình bày: Anh xác định điều kiện, thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Cháu Đào Gia H2 hiện đang ở với bố mẹ anh. Khi ly hôn, anh và chị T thống nhất tạm thời giao cháu H2 cho bố mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh chị về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng là ông Đào Văn H1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Đào Văn Huỳnh . Hiện cháu Đào Gia H2 đang ở với ông. Ông đồng ý nhận ủy quyền của anh H về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2 cho đến khi chị T, anh H về Việt Nam.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đào Văn Huỳnh . Về con chung: Hiện nay chị đã chấm dứt hợp đồng lao động tại Đài Loan và trở về Việt Nam làm ăn, sinh sống; sau khi về nước, chị đã đón cháu H2 về ở cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nay để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu, đề nghị HĐXX giao cháu H2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết

vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh ly H3 anh Đào Văn Huỳnh . Về con chung: Giao cháu Đào Gia H2, sinh ngày 28/11/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Đào Văn H hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, địa chỉ trước khi xuất cảnh tại xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các tài liệu do chị Nguyễn Thị Thanh G về gồm Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền; tài liệu do anh Đào Văn H gửi về là Bản tự khai đều có xác nhận của Văn phòng K tại Đ nên được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã L), huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/4/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh H đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về kinh tế. Khi ở Đài Loan, chị T và anh H không gặp gỡ, không liên lạc với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, anh H đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn của chị T và anh H đã trầm trọng, anh chị không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Đào Gia H2, sinh ngày 28/11/2018. Khi ly hôn, chị T có quan điểm xin được nuôi cháu

H2. Anh H có quan điểm tạm giao cháu H2 cho ông nội là Đào Văn H1 nuôi dưỡng trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy hiện nay chị T đã về Việt Nam, có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần giao cháu H2 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu H2 thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về các nội dung sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh ly H3 anh Đào Văn Huỳnh .

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đào Gia H2, sinh ngày 28/11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) do anh Nguyễn Văn T1 nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0001810 ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Lạc Phượng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất